

Số 34 /SGD&ĐT-GDDT

Kon Tum, ngày 13 tháng 01 năm 2016

V/v Hướng dẫn việc xét duyệt học sinh bán trú, học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 và Quyết định số 36/2013/QĐ-TTg ngày 18/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ học kỳ II, năm học 2015-2016.

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố;
- Các trường Trung học phổ thông, Phổ thông dân tộc nội trú.

Đầu năm học 2015- 2016, các đơn vị căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 26/6/2014, Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND, ngày 09/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban dân tộc về vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn giai đoạn 2013- 2015 để xét duyệt, phê duyệt và được Ủy ban nhân dân thống nhất số lượng học sinh bán trú, số lượng học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013, Quyết định số 36/2013/QĐ-TTg ngày 18/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2015.

Để có cơ sở triển khai kịp thời, đầy đủ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với học sinh năm học 2015- 2016; Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn việc xét duyệt, phê duyệt học sinh bán trú, học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 và Quyết định số 36/2013/QĐ-TTg ngày 18/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2016. Cụ thể như sau:

1. Về xác định vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có hiệu lực từ ngày 01/01/2016 làm căn cứ để xét duyệt, phê duyệt

Các đơn vị căn cứ vào các văn bản sau đây để rà soát, xác định vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn làm căn cứ xét duyệt, phê duyệt học sinh được hưởng các chính sách hỗ trợ nêu trên: Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban dân tộc về công nhận bổ sung, điều chỉnh thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc miền núi và Công văn số

14/UBND-VP135 ngày 31/12/2015 của Ủy ban dân tộc về hướng dẫn địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Về tiêu chí và quy trình xét duyệt, phê duyệt

2.1. Đối với việc xét duyệt, phê duyệt học sinh bán trú: Thực hiện theo Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành tiêu chí học sinh bán trú trên địa bàn tỉnh Kon Tum và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 657/SGD&ĐT-GDDT ngày 27/6/2011.

2.2. Đối với việc xét duyệt học sinh THPT được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ: Thực hiện theo Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND, ngày 09/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành tiêu chí học sinh THPT được hưởng chính sách theo Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kon Tum và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 636/SGD&ĐT-GDDT ngày 13/5/2014.

2.3. Đối với việc xét học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ gạo theo Quyết định số Quyết định số 36/2013/QĐ-TTg ngày 18/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ: Thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 1103/SGDĐT-GDDT ngày 29/8/2014.

3. Về báo cáo kết quả xét duyệt, phê duyệt

Các đơn vị tổng hợp kết quả xét duyệt, phê duyệt học sinh bán trú, kết quả xét duyệt học sinh THPT được hưởng chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ theo quy định; kết quả rà soát đối tượng và nhu cầu gạo cấp cho học sinh theo Quyết định số 36/2013/QĐ-TTg ngày 18/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ (theo biểu gửi kèm) gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 20/01/2016.

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện, quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc xin liên hệ Phòng Giáo dục dân tộc, Sở Giáo dục và Đào tạo (Đ/c Văn Trọng Lưu, điện thoại số 0988 618 698) để được hướng dẫn thêm./.

Nơi nhận:

- Như trên (thực hiện);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc (theo dõi);
- Lưu VP, GDDT.



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Dành cho các trường THPT, PTDTNT)

**TỔNG HỢP NHU CẦU GẠO HỖ TRỢ CHO HỌC SINH
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 36/2013/QĐ-TG NGÀY 18/6/2013 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
THÁNG 01, 02, 3, 4, 5 NĂM 2016**

STT	Tên trường	Tình hình nhận, cấp phát và sử dụng gạo 4 tháng học kỳ I năm học 2015- 2016					Số lượng học sinh thụ hưởng và nhu cầu gạo hỗ trợ học sinh tháng 01-5 năm 2016		Nhu cầu gạo hỗ trợ học sinh năm 2016 sau khi trừ đi số dư 4 tháng học kỳ I năm học 2015-2016		Ghi chú
		Tổng số gạo được nhận	Trong đó		Số gạo thực tế đã cấp phát, sử dụng cho học sinh	Số gạo thừa hoặc thiếu	Số lượng học sinh thụ hưởng	Nhu cầu gạo hỗ trợ học sinh	Nhu cầu gạo hỗ trợ học sinh		
Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận từ Cục Dự trữ		(3)=(4)+(5)	(4)						(5)	(6)
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3)-(6)	(8)	(9)=(8)x5x15	(10)=(9)-(7)	(11)	

NGƯỜI LẬP BIỂU

..... Ngày tháng năm 2016
THỦ TƯỚNG
(Ký tên và đóng dấu)

UBND HUYỆN (THÀNH PHỐ).....
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Dành cho phòng GD&ĐT huyện, thành phố)

TỔNG HỢP NHU CẦU GẠO HỖ TRỢ CHO HỌC SINH

THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 36/2013/QĐ-TTg NGÀY 18/6/2013 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THÁNG 01, 02, 3, 4, 5 NĂM 2016

STT	Tên trường	Tình hình nhận, cấp phát và sử dụng gạo 4 tháng học kỳ I năm học 2015- 2016					Số lượng học sinh thu hưởng và nhu cầu gạo hỗ trợ học sinh tháng 01-5 năm 2016		Nhu cầu gạo hỗ trợ học sinh năm 2016 sau khi trừ đi số dự 4 tháng học kỳ I năm học 2015-2016		Ghi chú
		Tổng số gạo được nhận	Trong đó	Tiếp nhận từ Cục Dự trữ	Số gạo thực tế đã cấp phát, sử dụng cho học sinh	Số gạo thừa hoặc thiếu	Số lượng học sinh thu hưởng	Nhu cầu gạo hỗ trợ học sinh			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3)-(6)	(8)	(9)=(8)x5x15	(10)=(9)-(7)	(11)	
1											
2											
3											
4...											
Tổng cộng											

NGƯỜI LẬP BIỂU

XÁC NHẬN UBND CẤP HUYỆN

.....Ngày tháng năm 2016

THỦ TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)